

## **Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động**

Báo cáo của Hội đồng Quản trị  
và  
Các báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán

31 tháng 12 năm 2009

# Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	1 - 2
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Báo cáo kiểm toán độc lập	3
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	4 - 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	7
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	8 - 22

# Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động

## BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ Phần Đầu tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và công ty con (“Nhóm công ty”) vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 và cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 (ngày thành lập công ty) đến ngày vào 31 tháng 12 năm 2009.

### CÔNG TY

Công ty là một công ty cổ phần, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Đây là năm hoạt động đầu tiên của Công ty cho nên không có số liệu so sánh tương ứng.

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động. Công ty con là một công ty cổ phần, được thành lập tại Việt Nam theo giấy đăng ký kinh doanh số 4103005841 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm 99% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của nhóm Công ty là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học; điện thoại; linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, máy nghe nhạc, máy xem kỹ thuật số. Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông (không cung cấp dịch vụ Internet).

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà E-Town, Lầu 6, số 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ CỔ TỨC

	<i>Ngàn VND</i>
	<i>Kỳ hiện hành</i>
Lợi nhuận thuần sau thuế	48.073.202
Lợi nhuận chưa phân phối vào cuối kỳ	49.203.698

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Đức Tài	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Trần Lê Quân	Thành viên
Ông Trần Huy Thanh Tùng	Thành viên
Ông Điều Chính Hải Triều	Thành viên
Ông Đinh Anh Huân	Thành viên

### CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty kiểm toán Ernst & Young bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục làm công tác kiểm toán cho Nhóm công ty.

# Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

## CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC NHÓM CÔNG TY ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc của Nhóm công ty chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Nhóm công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ▶ lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Nhóm công ty sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được đăng ký. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Nhóm công ty và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc đã cam kết với Hội đồng Quản trị rằng Nhóm công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

## PHÊ DUYỆT CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Chúng tôi phê duyệt các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo. Các báo cáo này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 cùng ngày hợp với Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:



Ông Trần Lê Quân  
Thành viên

Ngày 25 tháng 3 năm 2010



Số tham chiếu: 60752740/13899968

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động**

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động và công ty con ("Nhóm công ty"), báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (sau đây được gọi chung là "các báo cáo tài chính hợp nhất") được trình bày từ trang 4 đến trang 22. Các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Nhóm công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên việc kiểm toán của chúng tôi.

### **Cơ sở ý kiến kiểm toán**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các quy định của các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và Quốc tế được áp dụng tại Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc các báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Nhóm công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

### **Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho giai đoạn kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 và đến ngày 31 tháng 12 năm 2009 phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán và Hệ thống Kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định có liên quan.



*Ernst & Young Vietnam Ltd.*  
Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

*Maria Cristina M. Calimbas*

Maria Cristina M. Calimbas  
Phó Tổng Giám đốc  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: N.1073/KTV

*Lê Vũ Trường*

Lê Vũ Trường  
Kiểm toán viên phụ trách  
Kiểm toán viên đã đăng ký  
Số đăng ký: N. 1588/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 25 tháng 3 năm 2010

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngàn VNĐ

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối kỳ
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>294.994.200</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền</b>		<b>29.526.221</b>
111	1. Tiền	4	29.526.221
<b>130</b>	<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>65.231.812</b>
131	1. Phải thu khách hàng		2.267.957
132	2. Trả trước cho người bán		45.794.970
135	3. Các khoản phải thu khác	5	17.168.885
<b>140</b>	<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>6</b>	<b>188.467.326</b>
141	1. Hàng tồn kho		188.467.326
<b>150</b>	<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>11.768.841</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	7	10.944.450
152	2. Thuế Giá trị gia tăng được khấu trừ		422.588
158	4. Tài sản ngắn hạn khác		401.803
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>26.267.886</b>
<b>220</b>	<b>I. Tài sản cố định</b>		<b>13.642.332</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	11.796.363
222	Nguyên giá		16.617.996
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.821.633)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	659.349
228	Nguyên giá		989.029
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(329.680)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		1.186.620
<b>260</b>	<b>II. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>12.625.554</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	5.152.817
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	21.2	1.522.288
268	3. Tài sản dài hạn khác	11	5.950.449
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>321.262.086</b>

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)  
ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngàn VNĐ

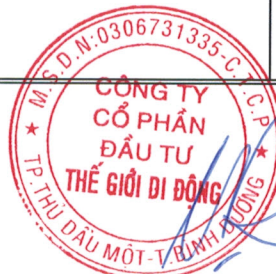
Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ
<b>300</b>	<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>266.561.381</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>205.521.592</b>
311	1. Vay ngắn hạn	12	28.791.772
312	2. Phải trả người bán		140.753.971
314	3. Thuế phải nộp Nhà nước	13	12.955.570
315	4. Phải trả người lao động		250.792
316	5. Chi phí phải trả	14	20.849.815
319	6. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		1.919.672
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>61.039.789</b>
334	1. Vay dài hạn	15	58.643.432
336	2. Dự phòng trợ cấp mất việc làm		2.396.357
<b>400</b>	<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>		<b>54.153.698</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>16</b>	<b>54.153.698</b>
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		4.950.000
413	2. Phụ trội hợp nhất công ty con	17	1.130.496
420	3. Lợi nhuận chưa phân phối		48.073.202
<b>500</b>	<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>		<b>547.007</b>
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>321.262.086</b>

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

CHỈ TIÊU	Số cuối năm
1. Hàng hóa nhận giữ hộ - Ngân VND	568.999
2. Ngoại tệ - Đô la Mỹ	14.466



Giám đốc tài chính  
Trần Huy Thanh Tùng



Tổng Giám đốc  
Trần Lê Quân

Ngày 25 tháng 3 năm 2010



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ hiện hành
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	2.012.518.238
03	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	18.1	(52.601.054)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	18.1	1.959.917.184
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	19	(1.730.633.042)
20	5. Lãi gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		229.284.142
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	18.2	5.551.006
22	7. Chi phí tài chính		(3.762.620)
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		<i>(2.737.178)</i>
24	8. Chi phí bán hàng	19	(140.695.940)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	19	(32.011.451)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		58.365.137
31	11. Thu nhập khác	20	3.309.935
32	12. Chi phí khác	20	(3.285.428)
40	13. Lợi nhuận khác	20	24.507
50	14. Lợi nhuận kế toán trước thuế		58.389.644
51	15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	21.1	(11.353.142)
52	16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	21.2	1.522.288
60	17. Lợi nhuận sau thuế TNDN		48.558.790
	<i>Phân bổ cho:</i>		
	17.1 Lợi ích của cổ đông thiểu số		485.588
	17.2 Cổ đông của Công ty mẹ		48.073.202



Giám đốc Tài Chính  
Trần Huy Thanh Tùng

Tổng Giám đốc  
Trần Lê Quân

Ngày 25 tháng 3 năm 2010



**BAO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

Ngàn VNĐ

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Kỳ hiện hành
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>		
<b>01</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>58.389.644</b>
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>		
02	Khấu hao và khấu trừ	8, 9	3.488.638
04	Lãi từ việc thanh lý tài sản cố định		(63.654)
06	Chi phí lãi vay		2.737.178
<b>08</b>	<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>64.551.806</b>
09	Tăng các khoản phải thu		(38.658.688)
10	Tăng hàng tồn kho		(88.988.209)
11	Tăng các khoản phải trả		76.006.068
12	Tăng chi phí trả trước		1.772.840
13	Tiền lãi vay đã trả		(2.737.178)
<b>20</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>11.946.639</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>		
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(8.596.857)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định	20	1.996.106
23	Tiền nhận về từ việc mua công ty con		12.853.585
<b>30</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>6.252.834</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>		
31	Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu		4.950.000
33	Tiền vay đã nhận		130.150.885
34	Tiền vay đã trả		(123.774.137)
<b>40</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>11.326.748</b>
<b>50</b>	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>		<b>29.526.221</b>
<b>60</b>	<b>Tiền đầu kỳ</b>		<b>-</b>
<b>70</b>	<b>Tiền cuối kỳ</b>		<b>29.526.221</b>



Giám đốc Tài chính  
Trần Huy Thanh Tùng




Tổng Giám đốc  
Trần Lê Quân

Ngày 25 tháng 3 năm 2010

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ Phần Đầu Tư Thế Giới Di Động (“Công ty”) là một công ty cổ phần, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy đăng ký kinh doanh số 4103012275 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 1 năm 2009. Đây là năm hoạt động của Công ty cho nên không có số liệu so sánh tương ứng.

Công ty có một công ty con là Công ty Cổ phần Thế Giới Di Động. Công ty con là một công ty cổ phần, được thành lập tại Việt Nam theo giấy đăng ký kinh doanh số 4103005841 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2007 và các Giấy chứng nhận điều chỉnh. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2009, Công ty nắm 99% phần vốn chủ sở hữu trong công ty con này.

Vì Công ty và công ty con được kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông trước và sau khi hợp nhất, và sự kiểm soát này là lâu dài, do đó việc hợp nhất được thực hiện dưới sự kiểm soát chung.

Lĩnh vực hoạt động chủ yếu của Nhóm công ty là mua bán, bảo hành, sửa chữa: thiết bị tin học; điện thoại; linh kiện và phụ kiện điện thoại; máy ảnh, camera, máy nghe nhạc, máy xem kỹ thuật số. Đại lý cung cấp dịch vụ viễn thông (không cung cấp dịch vụ Internet).

Công ty có trụ sở chính tại Tòa nhà E-Town, Lầu 6, số 364 Cộng Hòa, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

### 2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

#### 2.1 *Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng*

Các báo cáo tài chính của Công ty và Công ty con được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam (“Ngàn VNĐ”) phù hợp với Hệ thống Kế toán Việt Nam và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng** (tiếp theo)

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

Ngày 6 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính. Thông tư này quy định về việc thuyết minh thêm thông tin và ảnh hưởng đến việc trình bày các công cụ tài chính trên các báo cáo tài chính. Hướng dẫn này sẽ có hiệu lực từ năm tài chính kế thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 trở đi. Ban Giám đốc của Nhóm công ty đang đánh giá ảnh hưởng của việc áp dụng thông tư này đến các báo cáo tài chính hợp nhất của Nhóm công ty trong tương lai.

**2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng**

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Nhóm công ty là Nhật ký chung.

**2.3 Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Nhóm công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Niên độ kế toán đầu tiên bắt đầu từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 và kết thúc vào 31 tháng 12 năm 2009.

**2.4 Đơn vị tiền tệ kế toán**

Nhóm công ty thực hiện việc ghi chép sổ sách kế toán bằng VNĐ.

**2.5 Cơ sở hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm báo cáo tài chính của Công ty và công ty con ("Nhóm công ty") cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009.

Các báo cáo tài chính của công ty con được lập cho cùng năm tài chính với Công ty, áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách của Công ty. Các bút toán điều chỉnh được thực hiện đối với bất kỳ khác biệt nào trong chính sách kế toán nhằm đảm bảo tính nhất quán trong Nhóm công ty.

Tất cả các số dư và các giao dịch nội bộ, kể cả các khoản lãi chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ đã được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày công ty mẹ thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày công ty mẹ thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY** (tiếp theo)

**2.5 Cơ sở hợp nhất** (tiếp theo)

Vì Công ty và công ty con được kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông trước và sau khi hợp nhất, và sự kiểm soát này là lâu dài, do đó việc hợp nhất được thực hiện dưới sự kiểm soát chung. Do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") chưa có các hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán hợp nhất kinh doanh trong trường hợp các công ty cùng chịu sự kiểm soát chung, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã tham khảo các hướng dẫn tại CMKTVN số 1 "Chuẩn mực chung" và CMKTVN số 21 "Trình bày báo cáo tài chính" để lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp cho việc hợp nhất kinh doanh này. Cụ thể là, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã cân nhắc bản chất của sự hợp nhất và, trên cơ sở này, quyết định các tài sản và nợ phải trả của Công ty con được hợp nhất theo giá trị ghi sổ của chúng. Không có điều chỉnh nào được thực hiện nhằm phản ánh giá trị hợp lý, hoặc hạch toán bất kỳ tài sản hay nợ phải trả mới nào như nếu được thực hiện theo phương pháp mua. Lợi thế thương mại không được ghi nhận từ sự hợp nhất này. Bất kỳ khác biệt nào giữa giá mua hợp nhất và giá trị hợp lý của tài sản được phản ánh vào trong phụ trội hợp nhất công ty con trong nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày hợp nhất. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con từ ngày hợp nhất được tiến hành.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

**3.1 Tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng và tiền đang chuyển.

**3.2 Các khoản phải thu**

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

**3.3 Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí, điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Nhóm công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho, với giá trị được xác định như sau:

Điện thoại di động và máy tính xách tay	- giá vốn thực tế theo phương pháp thực tế đích danh.
Phụ kiện	- giá vốn thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.

*Dự phòng cho hàng tồn kho*

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của Nhóm công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong kỳ trên bản báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.4 Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của chi phí tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

**3.5 Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.6 Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

**3.7 Khấu hao và khấu trừ**

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Phần mềm máy tính	4 năm
Phương tiện vận tải	6 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm

**3.8 Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

**3.9 Các khoản phải trả và chi phí trích trước**

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Nhóm công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.10 Trợ cấp mất việc làm**

Trợ cấp mất việc làm cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Nhóm công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng năm 2008 theo Luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

**3.11 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Nhóm công ty (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm tài chính. Nhóm công ty chưa áp dụng Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá hối đoái ("Thông tư 201") cho kỳ hiện hành, CMKTVN số 10 đang được Nhóm công ty áp dụng nhất quán với các năm trước vẫn còn hiệu lực tại thời điểm lập báo cáo tài chính và sự khác biệt trong việc áp dụng Thông tư 201 và CMKTVN số 10 tại Nhóm công ty là không trọng yếu xét trên khía cạnh tổng thể.

**3.12 Phân chia lợi nhuận**

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng (nếu có) theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

**3.13 Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Nhóm công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

*Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp.

*Tiền lãi*

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

**3.14 Thuê hoạt động**

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

#### 3.15 Thuế

##### *Thuế thu nhập hiện hành*

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ :

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**

**3.13 Thuế (tiếp theo)**

*Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)*

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài chính tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

**4. TIỀN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Kỳ hiện hành</i>
Tiền mặt	11.946.419
Tiền gửi ngân hàng	16.404.104
Tiền đang chuyển	1.175.698
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>29.526.221</u></b>

**5. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Kỳ hiện hành</i>
Phải thu từ các nhà cung cấp	11.557.187
Phải thu tiền hoa hồng của Mobifone và Viettel	1.471.286
Phải thu nhân viên	2.845.299
Các khoản khác	1.295.113
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>17.168.885</u></b>

Phải thu từ các nhà cung cấp bao gồm phần lớn là các khoản giảm giá và chiết khấu có được do thanh toán sớm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**6. HÀNG TỒN KHO**

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Kỳ hiện hành</i>
Điện thoại di động	118.107.175
Phụ kiện	53.153.282
Máy tính xách tay	16.175.692
Công cụ dụng cụ	1.031.177
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>188.467.326</b>

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2009, hàng tồn kho trị giá 38,04 tỷ VNĐ đã được dùng để thế chấp cho các khoản vay như đã đề cập ở Thuyết minh số 12 và 15.

**7. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC NGẮN HẠN**

Chi phí trả trước ngắn hạn thể hiện chi phí thuê và nâng cấp văn phòng và các trung tâm phân phối.

**8. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<i>Phương tiện vận tải</i>	<i>Thiết bị văn phòng</i>	<i>Ngàn VNĐ</i>
			<i>Tổng cộng</i>
<b>Nguyên giá:</b>			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Mua công ty con	3.380.741	6.511.113	9.891.854
Tăng trong kỳ	5.143.226	3.930.240	9.073.466
Thanh lý trong kỳ	(2.325.475)	(21.849)	(2.347.324)
Số dư cuối kỳ	6.198.492	10.419.504	16.617.996
<b>Giá trị hao mòn:</b>			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Mua công ty con	(345.480)	(1.649.647)	(1.995.127)
Khấu hao trong kỳ	(668.300)	(2.573.078)	(3.241.378)
Thanh lý trong kỳ	407.173	7.699	414.872
Số dư cuối kỳ	(606.607)	(4.215.026)	(4.821.633)
<b>Giá trị còn lại:</b>			
Số dư đầu kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	5.591.885	6.204.478	11.796.363
<i>Trong đó:</i>			
<i>Tài sản sử dụng để thế chấp (Thuyết minh số 15)</i>	3,195,472	-	3,195,472

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Phần mềm máy tính</i>
<b>Nguyên giá:</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Mua công ty con	989.029
Số dư cuối kỳ	<u>989.029</u>
<b>Giá trị hao mòn:</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Mua công ty con	(82.420)
Khấu trừ trong kỳ	(247.260)
Số dư cuối kỳ	<u>(329.680)</u>
<b>Giá trị còn lại:</b>	
Số dư đầu kỳ	-
Số dư cuối kỳ	<u><u>659.349</u></u>

**10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

Chi phí trả trước dài hạn trình bày chi phí sửa chữa và cải tạo văn phòng và các trung tâm phân phối.

**11. TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC**

Tài sản dài hạn khác chủ yếu thể hiện chi phí ký quỹ dài hạn của văn phòng và các trung tâm phân phối.

**12. VAY NGẮN HẠN**

	<i>Ngàn VNĐ</i>
	<i>Kỳ hiện hành</i>
Vay ngân hàng ( <i>Thuyết minh 12.1</i> )	26.984.545
Nợ dài hạn đến hạn trả ( <i>Thuyết minh 15</i> )	1.432.227
Vay nhân viên	375.000
<b>TỔNG CỘNG</b>	<u><u>28.791.772</u></u>

Các khoản vay từ nhân viên Nhóm công ty nhằm phục vụ cho nhu cầu kinh doanh của Nhóm công ty. Những khoản vay này không có tài sản bảo đảm và sẽ được thanh toán theo yêu cầu của người cho vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**12. VAY NGẮN HẠN** (tiếp theo)

**12.1 Vay ngắn hạn ngân hàng**

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số dư cuối kỳ	Kỳ hạn thanh toán	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngàn VNĐ				
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội ("MB")	3.200.000	27/11/2009 - 11/1/2010	10,5% pa	Hàng tồn kho
	3.035.424	8/12/2009 - 22/1/2010	12,0% pa	Hàng tồn kho
	1.347.238	23/12/2009 - 6/2/2010	12,0% pa	Hàng tồn kho
	2.309.376	23/12/2009 - 6/2/2010	12,0% pa	Hàng tồn kho
	707.200	24/12/2009 - 8/2/2010	12,0% pa	Hàng tồn kho
	1.708.921	24/12/2009 - 8/2/2010	12,0% pa	Hàng tồn kho
	1.593.110	24/12/2009 - 8/2/2010	12,0% pa	Hàng tồn kho
	6.333.276	9/12/2009 - 23/1/2010	12,0% pa	Hàng tồn kho
	1.750.000	24/12/2009 - 08/02/10	12,0% pa	Hàng tồn kho
	<b>21.984.545</b>			
Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam	5.000.000	9/12/2009 - 09/02/10	12.0% pa	Không thế chấp
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>26.984.545</b>			

Ngày 24 tháng 10 năm 2008, công ty con đã ký hợp đồng vay số 114/TD.HM/NHQD-CLO với Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội để vay với hạn mức tín dụng là 20 tỷ VNĐ. nhằm bổ sung vốn kinh doanh. Khoản vay này được đảm bảo bằng số hàng tồn kho trị giá 34.71 tỷ VNĐ.

**13. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	Ngàn VNĐ Kỳ hiện hành
Thuế TNDN phải nộp (Thuyết minh số 21.1)	11.350.460
Thuế thu nhập cá nhân	1.605.110
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>12.955.570</b>

**14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	Ngàn VNĐ Kỳ hiện hành
Các khoản thưởng	19.333.249
Các chi phí tiện ích	759.278
Chi phí chuyên nghiệp	348.000
Các khoản khác	409.288
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>20.849.815</b>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**15. VAY DÀI HẠN**

Nhóm công ty vay ngân hàng để bổ sung vốn kinh doanh với chi tiết vay dài hạn như sau:

<i>Ngân hàng</i>	<i>Số dư cuối kỳ</i> <i>Ngàn VNĐ</i>	<i>Kỳ hạn</i> <i>thanh toán</i>	<i>Lãi suất</i>	<i>Hình thức đảm bảo</i>
Công ty quỹ Mekong II	56.037.000	5 năm	20 %	Không
HSBC	187.110	4 năm	Lãi suất thả nổi +1,35%	Thế chấp bằng giấy tờ hợp pháp của xe (Thuyết minh số 8)
Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Quân Đội	3.851.549	3 năm	Từ 10,5% đến 16,5%	Thế chấp bằng giấy tờ hợp pháp của xe (Thuyết minh số 8) và hàng tồn kho trị giá 3.326 triệu VNĐ
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>60.075.659</b>			
<i>Trong đó:</i>				
<i>Nợ dài hạn đến hạn trả</i> <i>(Thuyết minh số 12)</i>	<i>1.432.227</i>			
<i>Nợ dài hạn</i>	<i>58.643.432</i>			

Công ty quỹ Mekong II

Vào ngày 19 tháng 4 năm 2007, công ty con đã ký Hợp đồng vay chuyển đổi và thỏa thuận đầu tư với các cổ đông và Công ty quỹ Mekong II, ("MEF II), trong đó có các điều khoản chính như sau:

- ▶ Hiện tại công ty con đã phát hành 500.000 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam trên một cổ phiếu tương ứng với số vốn điều lệ là 5 tỷ đồng Việt Nam.
- ▶ Công ty con dự định phát hành thêm 7.127 cổ phiếu phổ thông cho nhân viên của công ty theo chương trình phát hành cổ phiếu cho nhân viên nhằm tăng vốn điều lệ lên 5.071.270 ngàn đồng Việt Nam.
- ▶ Công ty con dự định phát hành thêm 266.406 cổ phiếu phổ thông và MEF II dự định đăng kí chuyển đổi các cổ phiếu tăng thêm này theo điều khoản số 1 mục 1 của Hợp đồng vay chuyển đổi với giá trị tối đa bằng với tổng giá trị được chuyển đổi ghi trên hợp đồng này. MEF II sẽ giữ 34,44% quyền sở hữu của công ty con ngay sau khi việc chuyển đổi được hoàn tất theo điều khoản số 8 của Hợp đồng vay chuyển đổi.
- ▶ Theo Hợp đồng vay chuyển đổi này, MEF II đồng ý cung cấp cho công ty con một khoản vay 4.5 triệu Đôla Mỹ với thời hạn giải ngân được quy định trong Hợp đồng vay chuyển đổi và các bên đồng ý rằng nghĩa vụ thanh toán của công ty con sẽ được chuyển đổi thành cổ phiếu của công ty con theo các điều khoản quy định trong hợp đồng.

Tại thời điểm tháng 1 năm 2010, Nhóm công ty đã nhận được một văn bản xác nhận từ MEFII liên quan đến việc miễn tiền lãi cho khoản vay này. Theo bản xác nhận, không có chi phí lãi vay nào liên quan đến khoản vay này trong kỳ.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội

Nhóm công ty thực hiện các khoản vay này nhằm mục đích tài trợ cho việc mua phương tiện vận tải, và trang trí và nâng cấp các trung tâm phân phối của Nhóm công ty.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**16. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**16.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu**

	Ngàn VNĐ			
	Vốn điều lệ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Phụ trội hợp nhất công ty con	Tổng cộng
<b>Kỳ này:</b>				
Số dư đầu kỳ	-	-	-	-
Tăng vốn	4.950.000	-	-	4.950.000
Lợi nhuận trong kỳ	-	48.073.202	-	48.073.202
Mua công ty con	-	-	1.130.496	1.130.496
Số cuối kỳ	<u>4.950.000</u>	<u>48.073.202</u>	<u>1.130.496</u>	<u>54.153.698</u>

**16.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Ngàn VNĐ	
	Số lượng cổ phần	Mệnh giá
Số phát hành trong kỳ và số cuối kỳ	495.000	4.950.000
Cổ phiếu của Nhóm công ty đã được phát hành với mệnh giá 10.000 đồng Việt Nam/cổ phiếu.		

**17. PHỤ TRỘI HỢP NHẤT CÔNG TY CON**

Giá trị thuần của các tài sản của công ty con xác định vào ngày mua như sau:

	Ngàn VNĐ
	Tổng cộng
Tiền và các khoản tương đương tiền	17.803.585
Các khoản phải thu	26.427.277
Hàng tồn kho	99.955.726
Tài sản ngắn hạn khác	7.760.968
Tài sản cố định	8.987.896
Tài sản ngắn hạn khác	18.338.303
Các khoản phải trả	<u>(173.131.840)</u>
<b>Tài sản thuần</b>	<b>6.141.915</b>
Tổng cộng tài sản thuần mua lại	6.080.496
Phụ trội hợp nhất công ty con phát sinh từ việc mua lại	<u>(1.130.496)</u>
<b>Giá trị khoản tiền phải trả</b>	<b><u>4.950.000</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**17. PHỤ TRỢI HỢP NHẤT CÔNG TY CON (tiếp theo)**

Vì Công ty và công ty con được kiểm soát chung bởi cùng một nhóm cổ đông trước và sau khi hợp nhất, và sự kiểm soát này là lâu dài, do đó việc hợp nhất được thực hiện dưới sự kiểm soát chung. Do Chuẩn mực Kế toán Việt Nam ("CMKTVN") chưa có các hướng dẫn cụ thể về cách hạch toán hợp nhất kinh doanh trong trường hợp các công ty cùng chịu sự kiểm soát chung, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã tham khảo các hướng dẫn tại CMKTVN số 1 "Chuẩn mực chung" và CMKTVN số 21 "Trình bày báo cáo tài chính" để lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp cho việc hợp nhất kinh doanh này. Cụ thể là, Ban Giám đốc Nhóm Công ty đã cân nhắc bản chất của sự hợp nhất và, trên cơ sở này, quyết định các tài sản và nợ phải trả của Công ty con được hợp nhất theo giá trị ghi sổ của chúng. Không có điều chỉnh nào được thực hiện nhằm phản ánh giá trị hợp lý, hoặc hạch toán bất kỳ tài sản hay nợ phải trả mới nào như nếu được thực hiện theo phương pháp mua. Lợi thế thương mại không được ghi nhận từ sự hợp nhất này. Bất kỳ khác biệt nào giữa giá mua hợp nhất và giá trị hợp lý của tài sản được phản ánh vào trong phụ trợi hợp nhất công ty con trong nguồn vốn chủ sở hữu tại ngày hợp nhất. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con từ ngày hợp nhất được tiến hành.

**18. DOANH THU**

**18.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Ngàn VNĐ
	Kỳ hiện hành
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>2.012.518.238</b>
Trong đó:	
<i>Doanh thu bán hàng</i>	1.995.074.512
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	17.443.726
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	
Chiết khấu bán hàng	(52.601.054)
<b>Doanh thu thuần</b>	<b><u>1.959.917.184</u></b>

**18.2 Doanh thu tài chính**

	Ngàn VNĐ
	Kỳ hiện hành
Chiết khấu thanh toán	5.152.787
Lãi tiền gửi	284.414
Lãi chênh lệch tỷ giá	113.805
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>5.551.006</u></b>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Ngàn VNĐ
	<i>Kỳ hiện hành</i>
Chi phí hàng bán	1.730.633.042
Chi phí nhân công	92.232.503
Chi phí khấu hao tài sản cố định ( <i>Thuyết minh số 8, 9</i> )	3.488.638
Chi phí khác	76.986.250
<b>TỔNG CỘNG</b>	<b><u>1.903.340.433</u></b>

**20. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Ngàn VNĐ
	<i>Kỳ hiện hành</i>
<b>Thu nhập khác</b>	
Thu thanh lý tài sản	1.996.106
Thu nhập khác	1.313.829
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.309.935</u></b>
<b>Chi phí khác</b>	
Chi phí thanh lý tài sản	1.932.452
Thanh lý hàng hư hỏng	1.037.261
Chi phí khác	315.715
<b>Tổng cộng</b>	<b><u>3.285.428</u></b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN</b>	<b><u>24.507</u></b>

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“thuế TNDN”) áp dụng cho Nhóm công ty là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 1 năm 2009 hướng dẫn, gia hạn nộp thuế TNDN, Nhóm công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp cho năm 2009

Các báo cáo thuế của Nhóm công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

**21.1 Thuế TNDN hiện hành**

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Nhóm công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)  
cho kỳ kế toán từ ngày 16 tháng 1 năm 2009 đến ngày 31 tháng 12 năm 2009

**21. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP** (tiếp theo)

**21.1 Thuế TNDN hiện hành** (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận thuần trước thuế và thu nhập chịu thuế:

	Ngàn VNĐ
	Kỳ hiện hành
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>58.389.644</b>
<b>Các khoản điều chỉnh lợi nhuận</b>	
Tiền phạt	30.190
Chi phí thuế không được khấu trừ	307.255
Trích trước cho lương và thưởng vượt quá 17% tổng quỹ lương	8.698.789
Chuyển lỗ	(2.552.777)
<b>Lợi nhuận chịu thuế ước tính trong kỳ</b>	<b>64.873.101</b>
<b>Thuế TNDN ước tính trong kỳ</b>	<b>11.353.142</b>
Thuế TNDN phải thu đầu kỳ	(2.682)
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	-
<b>Số dư thuế TNDN cuối kỳ</b>	<b>11.350.460</b>

**21.2 Thuế thu nhập hoãn lại**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong kỳ như sau:

	Ngàn VNĐ	
		<i>Ghi thu nhập trong kết quả hoạt động kinh doanh</i>
	<i>Bảng cân đối kế toán</i>	
<b>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</b>		
Trích trước lương và thưởng vượt quá 17% tổng quỹ lương	1.522.288	1.522.288

**22. CÁC CAM KẾT**

Nhóm công ty hiện đang thuê văn phòng và các trung tâm phân phối theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2009, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	Ngàn VNĐ	
		Kỳ hiện hành
Đến 1 năm		16.400.432
Từ 1-5 năm		36.029.032
Trên 5 năm		407.448
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>52.836.912</b>

  
Giám đốc Tài chính  
Trần Huy Thanh Tùng



Tổng Giám đốc  
Trần Lê Quân

Ngày 25 tháng 3 năm 2010